

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2023/DS-PT

Ngày: 14/11/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Bà Trần Thị Chơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Cao Phương B** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2023/TLPT-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2023, về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2023/QĐPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Châu Thu H**, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: **ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang**.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Hiền V**, sinh năm 1983. Có mặt. Địa chỉ: **ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang**. (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: **ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang**.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà L là: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **Tổ F, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang** (văn bản ủy quyền ngày 29/8/2023). Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Võ Văn L1**, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: **ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.**

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông L1 là:* Chị **Nguyễn Thị N**. Địa chỉ như trên. Có đơn xin vắng mặt.

2. Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1977. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: **ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.**

- *Người kháng cáo:*

1. Bà **Nguyễn Thị L** – là bị đơn

2. Ông **Võ văn L2** – là người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn bà **Châu Thu H** trình bày:* Do chỗ quen biết tin tưởng làm ăn nên bà có cho vợ chồng bà **Nguyễn Thị L** và ông **Võ Văn L1** vay tiền nhiều lần. Đến ngày 18/10/2020 giữa bà với bà **L** có đối chiếu nợ số tiền nợ gốc vợ chồng bà **L** còn nợ và xác nhận vào “giấy mượn tiền” là 1.058.000.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi tám triệu đồng). Số tiền này bà **L** nói với bà mục đích vay dùng để trả tiền mua đất và trả nợ để đáo hạn vay ngân hàng. Thời hạn vay là 30 ngày tính từ ngày 18/10/2020 đến ngày 18/11/2020, lãi suất do các bên tự thỏa thuận 1,66%/tháng. Bà **L** hẹn nếu đáo hạn ngân hàng được sớm bà sẽ trả cho bà một lần cả gốc và lãi. Tuy nhiên, kể từ ngày vợ chồng bà **L** vay tiền cho đến nay, ông bà không đóng lãi và trả tiền gốc cho bà như đã cam kết mà cứ hẹn hết lần này đến lần khác. Phần chữ viết phía trên của giấy mượn tiền là do bà **H** ghi, riêng chữ ký, chữ viết, dấu vân tay phía dưới là của bà **Nguyễn Thị L** ký tên, điểm chỉ.

Nay yêu cầu vợ chồng ông **L1**, bà **L** có nghĩa vụ trả lại số tiền gốc là 1.058.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi tám triệu đồng). Ngoài ra yêu cầu vợ chồng ông **L1**, bà **L** phải trả lãi suất 1.66%/tháng trên số tiền gốc 1.058.000.000đ kể từ ngày 18/10/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- *Theo bị đơn bà **Nguyễn Thị L** trình bày:* Bà không nhớ rõ thời gian, nhưng bà thừa nhận có vay của bà **Châu Thu H** nhiều lần cụ thể như sau: Lần thứ nhất: vay 15.000.000đ, lãi thỏa thuận là 8.000đ/ngày/1.000.000đ; 15.000.000đ mỗi ngày đóng 120.000đ. Lần thứ hai: vay số tiền là 5.000.000đ cộng với số tiền 15.000.000đ của lần thứ nhất tổng cộng là 20.000.000đ, lãi thỏa thuận là 8.000đ/ngày/1.000.000đ; 20.000.000đ mỗi ngày đóng 160.000đ. Lần thứ ba: vay số tiền là 5.000.000đ cộng với số tiền 20.000.000đ của lần vay thứ nhất, thứ hai là 25.000.000đ, lãi thỏa thuận là 8.000đ/ngày/1.000.000đ. 25.000.000đ mỗi ngày đóng lãi 200.000đ. Lần thứ tư: Khoảng 10 ngày sau của lần vay thứ ba, vay số tiền là 20.000.000đ, cộng với ba lần vay trước đó là 45.000.000đ, lãi thỏa thuận là 8.000đ/ngày/1.000.000đ; 45.000.000đ mỗi ngày đóng 360.000đ. Lần thứ năm: Khoảng 20 ngày của lần vay thứ tư, vay thêm 20.000.000đ, cộng với số tiền của lần vay thứ 1, 2, 3, 4 là 65.000.000đ, lãi thỏa

thuận là 8.000đ/ngày/1.000.000đ. 65.000.000đ mỗi ngày đóng 520.000đ. Tất cả các lần vay thì ngày nào bà **L** cũng đóng lãi nhưng không nhớ đã đóng được bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền.

Vào ngày 18/10/2020, hai bên đối chiếu nợ thì bà **L** thừa nhận còn nợ bà **H** vừa tiền lãi, tiền gốc là 125.000.000đ. Cũng trong ngày 18/10/2020, bà vay thêm 25.000.000đ, cộng với số tiền 125.000.000đ đã vay trước đó là 150.000.000đ, lãi thỏa thuận là 8.000đ/ngày/1.000.000đ. Số tiền này bà không có đóng lãi. Khoảng 02 tháng sau, bà **H** lại đòi tiền lãi thì bà xin không đóng lãi mà xin được trả số tiền gốc là 150.000.000đ. Mục đích vay tiền là dùng vào việc sinh hoạt, chi tiêu trong gia đình, 1 phần là đóng lãi cho bà **H**.

Bà thừa nhận chữ ký dạng chữ viết “Lan” và chữ viết **Nguyễn Thị L** phía dưới chữ “Bên B” trên giấy mượn tiền ngày 18/10/2020 và dấu vân tay màu đỏ phía dưới là của bà. Tuy nhiên, bà cho rằng bà chỉ ký tên vào cuốn sổ nợ của bà **H** chứ không ký tên, điểm chỉ vào giấy mượn tiền như bà **H** đã cung cấp cho Tòa án. Trong các lần vay tiền của bà **H**, hai bên chỉ thỏa thuận miệng nên vợ chồng bà không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Bà chỉ thừa nhận còn nợ bà **H** 150.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả dần cho bà **H** mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Ông **Lê Văn K**: Hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà **Châu Thu H**.

2. Ông **Võ Văn L1** trình bày: Ông là chồng của bà **L**, việc vợ ông vay tiền của bà **H** cụ thể thời gian nào, vào việc gì thì ông không biết và cũng không thừa nhận nghĩa vụ phải trả số nợ này. Theo như vợ ông nói lại thì vợ ông chỉ nợ của bà **H** khoảng trên dưới 20.000.000 đồng để trả lãi ngân hàng chứ không phải 1.058.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi tám triệu đồng) như bà **H** trình bày. Khi ông **K** chồng bà **H** đến đòi nợ ông mới biết sự việc. Nay bà **H** khởi kiện yêu cầu ông và vợ ông cùng thanh toán nợ gốc, lãi thì ông không đồng ý

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Châu Thu H**.

Buộc bà **Nguyễn Thị L** và ông **Võ Văn L1** phải trả cho nguyên đơn bà **Châu Thu H** số tiền 1.655.135.200đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 28/8/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Võ Văn L1 có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý, nên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu giám định lại của bà L. Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn bà L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L1 và người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông L1: vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi cho cấp phúc thẩm “Đơn yêu cầu giám định lại” nội dung yêu cầu giám định chữ viết Nguyễn Thị L và dấu vân tay có phải do bà L viết ra hay không, Chữ viết và chữ ký, dấu vân tay trong giấy mượn tiền có cùng thời điểm hay không, phần chữ viết và phần chữ ký trong giấy mượn tiền thì giữa hai phần tờ giấy có bị cắt dán ghép không, có cùng loại mực hay không và chữ ký, chữ viết có cùng màu mực hay không.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và hướng đề nghị giải quyết: Bà L có vay tiền của bà H nhiều lần và có ký tên, lấn tay diêm chỉ trong giấy mượn tiền với số tiền gốc là 1.058.000.000đ. Mặc dù, bà L, ông L1 không thừa nhận số tiền nợ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đối với đơn yêu cầu giám định lại của bà L thì đề nghị không chấp nhận, vì tại cấp sơ thẩm bà L có làm đơn yêu cầu giám định nhưng không nộp tạm ứng chi phí, hơn nữa bà L cũng đã thừa nhận chữ ký, chữ viết, dấu vân tay trong biên nhận là của bà L, đồng thời việc giám định giấy nợ có bị cắt ghép và có cùng loại giấy hay không thì cũng đã có Kết luận giám định của Phòng K1 Công an tỉnh K. Do đó không cần thiết tiến hành giám định lại theo yêu cầu của bà L. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L, ông L1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST, ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án như sau: Giữa bà Châu Thu H với bà Nguyễn Thị L có thỏa thuận vay tiền với nhau nhiều lần, đến ngày 18/10/2020 các bên có ký vào “Giấy mượn tiền” với số tiền vay gốc là 1.058.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất là 1,66%/tháng, mục đích vay là để mua đất và đáo nợ ngân hàng. Nay bà H yêu cầu trả số tiền nợ thì bà L, ông L1 không thừa nhận toàn bộ số nợ nên phát sinh tranh chấp.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, ông Võ Văn L1, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bà L, ông L1 không thừa nhận số tiền gốc vay còn nợ bà H là 1.058.000.000đ theo như “Giấy mượn tiền, ngày 18/10/2020”, nhưng bà L, ông L1 không cung cấp được chứng cứ có giá trị pháp lý chứng minh nên Tòa

án không có cơ sở xem xét. Trong khi theo Kết luận giám định số 399/KL-KTHS, ngày 06/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh K kết luận chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị L không bị cắt ghép và cùng một loại giấy (BL 47). Hơn nữa, trong đơn yêu cầu giám định và các lời khai của bà L đều thừa nhận chữ viết L, Nguyễn Thị L và dấu vân tay trong giấy mượn tiền ngày 18/10/2020 là của bà L (BL 32, 37), ông L1 cũng thừa nhận là chữ ký và chữ viết của bà L (BL 28). Do đây là các tình tiết được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ theo Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự xác định bà L có vay và còn nợ bà H số tiền gốc là 1.058.000.000đ và lãi suất thỏa thuận là 1.66%/tháng từ ngày 18/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 597.135.200đ là phù hợp. Ngoài ra, căn cứ theo Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình bản án sơ thẩm buộc bà L, ông L1 có cùng nghĩa vụ trả số tiền nợ cho bà H là có căn cứ, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét nội dung kháng cáo của bà L, ông L1.

Ngoài ra, xét đơn yêu cầu giám định lại của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại cấp sơ thẩm bà L đã có đơn yêu cầu giám định “Chữ ký L và chữ viết Nguyễn Thị L có bị cắt ghép hay không và có cùng loại giấy hay không”. Tuy nhiên, bà L không nộp chi phí theo quy định. Sau khi có Kết luận giám định thì bà L cũng đồng ý và không có ý kiến khiếu nại về kết quả giám định. Hơn nữa, bà L và ông L1 cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết là của bà L trong giấy mượn tiền nên cũng đã có đủ chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, bà L cũng không nêu ra được lý do chính đáng để yêu cầu giám định lại. Vì lẽ đó, không có căn cứ chấp nhận đơn yêu cầu giám định lại của bà L.

[3] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm quyết định là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà L, ông L1. Thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST, ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí dân sự:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị L, ông Võ Văn L1 phải có nghĩa vụ nộp án phí với số tiền là 61.654.000đ.

Bà Châu Thu H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Là 300.000đ, do bà L ông L1 kháng cáo không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên mỗi người phải nộp số tiền là 300.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị L** và ông **Võ Văn L1**.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST, ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Buộc bà **Nguyễn Thị L** và ông **Võ Văn L1** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Châu Thu H** gốc và lãi tổng số tiền là 1.655.135.200đ (số tiền nợ gốc là 1.058.000.000đ và tiền lãi là 597.135.200đ).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Là 61.000.000đ. Buộc bà **Nguyễn Thị L** và ông **Võ Văn L1** phải nộp.

Hoàn trả cho bà **Châu Thu H** tạm ứng án phí với số tiền là 21.870.000đ theo lai thu số 0002531 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Buộc bà **Nguyễn Thị L** nộp án với số tiền là 300.000đ và được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo biên lai thu số 0002879 và ông **Võ Văn L1** nộp án với số tiền là 300.000đ và được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo biên lai thu số 0002880, cùng ngày 05/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Giang Thành;
- THA dân sự huyện Giang Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân

	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM	
Thẩm phán	Thẩm phán	Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Tấn	Trần Thị Chon	Đặng Thị Bích Vân
---------------------	----------------------	--------------------------

